

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ

Ngày: 26 - 7 - 2022.

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUYỆN D - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lê

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành;

Ông Lê Minh Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Bảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 08/2022/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thanh M, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ 2, thôn C, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Nhật H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ 2, thôn C, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh M trình bày: Bà M và ông Trần Nhật H tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S vào năm 2013. Trong thời gian chung sống, giữa hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hay cãi vã về vấn đề kinh tế gia đình và việc chăm sóc con cái. Ông H lười lao động, không chịu khó làm ăn, kiếm thu nhập lo cuộc sống gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt và không cùng bà M chăm lo các con. Bà M đã nhiều lần nói chuyện với ông H nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Hiện, bà M và ông H đã không còn chung sống với nhau từ tháng 11/2021 đến nay. Nay, bà M xác định không còn tình cảm với ông H, mâu thuẫn giữa bà và ông Hoàng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà M được ly hôn ông Hoàng. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Thành Đ, sinh ngày 04/8/2014 và Trần Đặng Thanh T,

sinh ngày 09/11/2019; bà M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác định không có.

Đối với bị đơn ông Trần Nhật H, Tòa án nhân dân huyện D đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng ông H vắng mặt, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản xác minh tại nơi cư trú, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông H theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà M được ly hôn với ông H; về con chung: Giao các con chung là Trần Thành Đ, sinh ngày 04/8/2014 và Trần Đăng Thanh T, sinh ngày 09/11/2019 cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ông H không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác định không có nên không xem xét; về án phí: Bà M phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Nhật H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Thanh M và ông Trần Nhật H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện D vào năm 2013 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét trong quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa nguyên đơn bà M và bị đơn ông H là do ông H không có sự quan tâm, chia sẻ về cuộc sống gia đình, cụ thể không cùng với bà M chăm lo về kinh tế, chăm sóc các con chung. Dẫn đến cuộc sống hôn nhân giữa hai bên không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra xung đột, mâu thuẫn. Mặt khác, Tòa án nhân dân huyện D triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với ông H để tham gia tố tụng, trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà M nhưng ông H không đến Tòa án, điều này thể hiện ông H bỏ mặc, không mong muốn hàn gắn, tiếp tục mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà M. Vì vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông H đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà M được ly hôn ông H.

[3]. Về con chung: Bà M và ông H có 02 con chung là Trần Thành Đ, sinh ngày 04/8/2014 và Trần Đăng Thanh T, sinh ngày 09/11/2019. Tại phiên tòa, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng

nuôi con chung. Xét các con chung do bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà M hiện có đủ điều kiện trong việc nuôi dưỡng con chung nên cần giao các con chung cho bà M nuôi dưỡng là hợp lý, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà M không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà M và ông H đều có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà M xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Bà M phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Đặng Thị Thanh M được ly hôn ông Trần Nhật H.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Thành Đ, sinh ngày 04/8/2014 và Trần Đặng Thanh T, sinh ngày 09/11/2019 cho bà Đặng Thị Thanh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ông Trần Nhật H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Nhật H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà M và ông H đều có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Đặng Thị Thanh M nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai số AA/2021/0007657 ngày 10/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Khánh Hòa; bà M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã S, D (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ

